



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV# _____

WEWL# _____

I-171 ___ Y ___ NO

EXIT VISA # _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

APPLICANT IN VIETNAM LE VAN NGOC
Last Middle First

Current Address: 5B Đường Khổng Tử - Xuân Lộc - Đồng Nai

Date of Birth: 02-02-1944 Place of Birth: Thuận Hải

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 09-22-70 To 04-12-1976
Years: 05 Months: 07 Days: _____

SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

QUESTIONNAIRE FOR EX-POLITICAL
PRISONER IN VIET NAM

Bảng câu hỏi cho Cựu Tù Nhân Chính Trị ở Việt Nam

I. — BASIC INFORMATION ON APPLICANT IN VIET NAM :

(Lý lịch căn bản về người đứng đơn).

1. Full name :
(Tên họ đầy đủ) LÊ VĂN NGỌC
2. Date and place of birth :
(Ngày và nơi sanh) 22.02.1944. Quận Thủ Đức, Quận Thủ Đức
3. Position :
(Chức vụ) Trung tá trưởng
— Rank :
(Cấp bậc) Trung tá
— Serial number :
(Số quân) CH/422.CC1.
— Military Unit :
(Đơn vị trong quân đội) Đoàn 152, Phước Bình, Thủ Đức 15.
4. Months, dates, year of Arrested :
(Ngày tháng năm bị bắt) 22.9.1970
5. Months, dates, year out camps :
(Tháng ngày năm xuất trại) 12.04.1976.
6. Present mailing address of Ex P.P :
(Địa chỉ gửi thư của Cựu tù nhân chính trị) Hố 5B Đường Khổng Tử, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.
7. Current Address :
(Địa chỉ hiện nay) Hố 5B Đường Khổng Tử, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

II. LIST OF ODP AND POB OF EX P.P IMMEDIATELY FAMILY AND FATHER, MOTHER :

A. RELATIVES TO ACCOMPANY WITH EX P.P TO BE CONSISTED FOR US COUNTRY.

NAME (Họ và tên)	DOB (Ngày sinh)	POB (Nơi sinh)	SEX (Nam nữ)	MARRIED (Có gia đình) SINGLE (độc thân).	RELATIONSHIP (Liên hệ gia đình)
Đỗ Ngọc Anh	1949	Bà Rịa	Nam		Đe
Đỗ Ngọc Uyên	1952	Đông An	Nam		Con
Đỗ Ngọc Uyên	1955	"	Nam		Con
Đỗ Ngọc Uyên	1958	"	Nam		Con
Đỗ Ngọc Uyên	1963	Đông An	Nam	Độc thân	Con
Đỗ Anh	1966	Đông An	Nam	Độc thân	Con
Đỗ Ngọc Uyên	1973	"	Nam	Độc thân	Con
Đỗ Thị Ba	1974	Kiên Giang	Nữ		me

B. COMPLETED FAMILY LISTING (LIVING, DEAD) OF EX P.P

(Bảng danh sách đầy đủ gia đình (sống, chết) của Cựu tù nhân chính trị)

-- Father : Đ.

* Gõ HỒI BẢO TRƯỞNG



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV# _____

WEWL# _____

I-171 ____ Y ____ NO

EXIT VISA # _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE VAN NGOC
Last Middle First

Current Address: 5B Đường Khổng Tử - Xuân Lộc - Đồng Nai.

Date of Birth: 02-02-1944 Place of Birth: Thuận Hải

Previous Occupation (before 1975) 1st Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 09-22-70 To 04-12-1976
Years: 05 Months: 07 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

QUESTIONNAIRE FOR EX-POLITICAL

PRISONER IN VIET NAM

Bảng câu hỏi cho Cựu Tù Nhân Chính Trị ở Việt Nam

I. — BASIC INFORMATION ON APPLICANT IN VIET NAM :

(Lý lịch căn bản về người đứng đơn).

1. Full name :

(Tên họ đầy đủ)

LÊ VĂN NGỌC

2. Date and place of birth :

(Ngày và nơi sanh)

22. 02. 1948. Quận Thủ Đức, Thành Phố

3. Position :

(Chức vụ)

Trung tá trưởng

— Rank :

(Cấp bậc)

Trung úy

— Serial number :

(Số quân)

64/432.001.

— Military Unit :

(Đơn vị trong quân đội)

Đoàn 152, Phước Bình, Thủ Đức TP.

4. Months, dates, year of Arrested :

(Ngày tháng năm bị bắt)

22. 9. 1970

5. Months, dates, year out camps :

(Tháng ngày năm xuất trại)

12. 04. 1976.

6. Present mailing address of Ex P.P :

(Địa chỉ gửi thư của Cựu tù nhân chính trị)

16/5B Đường Khổng Tử, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

7. Current Address :

(Địa chỉ hiện nay)

16/5B Đường Khổng Tử, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

LIST OF ODP AND POB OF EX P.P IMMEDIATELY FAMILY AND FATHER, MOTHER :

A. RELATIVES TO ACCOMPANY WITH EX P.P TO BE CONSISTED FOR US COUNTRY.

NAME (Họ và tên)	DOB (Ngày sinh)	POB (Nơi sinh)	SEX (Nam nữ)	MARRIED (Có gia đình) SINGLE (độc thân).	RELATIONSHIP (Liên hệ gia đình)
Đỗ Ngọc Anh	1949	Bà Rịa	Nữ		Đe
Lê Văn Nguyên	1952	Đồng Nai	Nữ		Con
Lê Văn Nguyên	1955	"	Nữ		Con
Lê Văn Nguyên	1958	"	Nữ		Con
Lê Văn Nguyên	1963	Đồng Nai	Nam	Đã hôn	Con
Lê Văn	1966	Đồng Nai	Nam	Đã hôn	Con
Đỗ Văn Nguyên	1973	"	Nam	Đã hôn	Con
Đỗ Thị Ba	1974	Hồng Kông	Nữ		me

B. COMPLETED FAMILY LISTING (LIVING, DEAD) OF EX P.P

(Bảng danh sách đầy đủ gia đình (sống, chết) của Cựu tù nhân chính trị)

— Father :

(Cha)

Lê Văn Nguyên. Sinh năm 1941. (Chết năm 1978).

— Mother :

(Mẹ)

Đỗ Thị Ba. Sinh năm 1943. (Chết năm 1972).

— Wife :

(Vợ)

Đỗ Ngọc Anh. Sinh năm 1949.

... con :

1/ Lê Văn Nguyên. Sinh năm 1968. 3/ Lê Văn Nguyên. Sinh 1983
2/ Lê Văn Nguyên. " 1972. 4/ Lê Văn Nguyên. " 1985

— Siblings:

(Anh em)

Chị: Lê Thị Kim 1921 năm 1921.
Em: Lê Văn Minh 1922 năm 1922.
Em: Lê Văn 1926 năm 1926.

III.— RELATIVES OUTSIDE OF VIETNAM:

Thân nhân ở ngoài nước Việt Nam

A. CLOSEST RELATIVES IN U.S.

Thân nhân gần nhất ở Hoa Kỳ.

B. CLOSEST RELATIVES IN OTHER COUNTRY:

Thân nhân gần nhất ở các nước khác.

IV.— HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY REUNIFICATION UNTIL NOW?

Cho đến nay bạn đã có nộp đơn xin đoàn tụ Gia đình không?

— Have you? Yes: No:
Bạn có? Có Nộp từ ngày 2/5/59 Không
— Reply from Bangkok ODP (LQI) Yes: No: chưa
Trả lời của ODP ở Bangkok (Thư giới thiệu)

V.— COMMENT — REMARK:

Bình phẩm — Nhận xét.

VI.— LISTING OF DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE:

Bảng ghi các tài liệu đính kèm theo Bảng câu hỏi này

— Marriage Certificate:
(Hôn thú) Bản sao chứng hôn trọn đời
— Birth Certificate of all family:
(Khai sanh của gia đình) Bản sao giấy khai sinh của Nguyễn Văn Minh
— Photo:
(Hình) Hai ảnh của gia đình
— Photocopy of Released Certificate:
(Bản sao giấy ra trại) Bản sao giấy ra trại

DATE:

(Ngày) Xuân An, Đông Nai, ngày 27 tháng 7 năm 1959

SIGNATURE:

(Ký tên)

Nguyễn Văn Minh
Lê Văn Minh

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI XIN ĐI

ODP IV 0

Date:

Ngày:

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Cđi số câu hỏi này tới:

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

Orderly Departure Office
Paukabhum Building
127 South Sathorn Road
Bangkok 10120, Thailand

A. Basic Identification Data/Lịch cá nhân

- Name
Họ, tên : LÊ VĂN NGỌC Sex: Phái Nam
- Other Names
Họ, tên khác : _____
- Date/Place of Birth
Ngày/đi Sinh : 02-02-1944. Thị trấn Phan Thiết, Tỉnh Thuận Hải
- Residence Address
Địa chỉ thường trú : Hẻm 5B Đường Khổng Tử, Nguyễn Văn Ngọc, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Mailing Address
Địa chỉ thư gửi : Hẻm 5B Đường Khổng Tử, Nguyễn Văn Ngọc, Phường 1, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Current Occupation
Nghề-nhiệp hiện tại : Đàn ông làm việc

B. Relatives To Accompany Me/Ti con cùng đi với tôi:

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa chồng (W), hoặc Độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên hệ gia đình
1. Ông Nguyễn Văn Ngọc	02-02-1944	Phan Thiết, Thuận Hải	Nam	Độc thân	Cha
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc	04-12-1942	Phan Thiết, Thuận Hải	Nữ	Độc thân	Mẹ
3. Ông Nguyễn Văn Ngọc	09-01-1955	"	"	"	Con
4. Ông Nguyễn Văn Ngọc	10-02-1958	"	"	"	Con
5. Ông Nguyễn Văn Ngọc	11-12-1961	"	"	"	Con
6. Ông Nguyễn Văn Ngọc	12-01-1966	"	"	"	Con
7. Ông Nguyễn Văn Ngọc	13-12-1973	"	"	"	Con
8. Ông Nguyễn Văn Ngọc	14-12-1974	Nguyễn Văn Ngọc	"	"	Mẹ
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, note their addresses in Section I below.)
(Chú ý: Đối với người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản sao rõ ràng, giấy chứng nhận hôn nhân (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa chồng), thẻ căn cước (nếu có), và hình ảnh. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung cư với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hàng ở Ngoài Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative in the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	:	:
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	:
c. Address Địa-chỉ	:	:
d. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	:	:
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên	:	:
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	:
c. Address Địa-chỉ	:	:

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : Lê Văn Thìn sinh năm 1901 (chết)
2. Mother
Mẹ : Đặng Thị Thảo sinh năm 1903 (chết)
3. Spouse
Vợ/Chồng : Trần Nguyệt Ánh sinh năm 1909
4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có): Trần Thị Nguyệt sinh năm 1907 (ly dị năm 1962)

5. Children
Con cái:
- | | | |
|-----|-----------------------|----------------------|
| (1) | <u>Lê Đức Thiện</u> | <u>sinh năm 1942</u> |
| (2) | <u>Lê Thanh Thiện</u> | <u>" 1945</u> |
| (3) | <u>Lê Nhã Thiện</u> | <u>" 1948</u> |
| (4) | <u>Lê Quan Anh</u> | <u>" 1968</u> |
| (5) | | |
| (6) | | |
| (7) | | |
| (8) | | |
| (9) | | |

6. Siblings
Anh chị em:
- | | | |
|-----|-------------------------|----------------------|
| (1) | <u>chị: Lê Thị Kim</u> | <u>sinh năm 1921</u> |
| (2) | <u>anh: Lê Văn Miền</u> | <u>" 1942</u> |
| (3) | <u>em: Lê An</u> | <u>" 1966</u> |
| (4) | | |
| (5) | | |
| (6) | | |
| (7) | | |
| (8) | | |
| (9) | | |

1. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization of You or Your Spouse/Đã hoặc vẫn đang làm việc cho cơ quan của chính phủ Mỹ hoặc khác?

1. Employee Name
Tên họ nhân viên : Lê Văn Ngọc

Position title
Chức vụ : Quan sát viên việc tôn giáo

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : Trung tâm nghiên cứu Phật giáo Việt Nam

Length of Employment
Thời gian làm việc From: 5-1968 To: 7-1969

Name of American Supervisor
Tên họ giám thị Mỹ : John Mac Kinley

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : Tháng 7-1969, làm đơn xin nghỉ việc theo đơn xin của ông. Ông đã chuyển công việc sang đơn vị khác.

2. Employee Name
Tên họ nhân viên : _____

Position title
Chức vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment
Thời gian làm việc From: _____ To: _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám thị Mỹ : _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân viên : _____

Position title
Chức vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment
Thời gian làm việc From: _____ To: _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám thị Mỹ : _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

7. Service with GVN or RVNAF by You or Your Spouse/Đã hoặc vẫn đang làm việc cho chính phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham gia : Lê Văn Ngọc

2. Dates
Ngày, tháng, năm From: 1966 To: 1970

3. Last Rank
Cấp bậc cuối cùng : Trung úy Serial Number: Đã quân
Số thẻ nhân viên: 64/422.C.01

Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn vị Binh-Chương : Đơn vị 182 Pháo Binh, Tiểu đoàn 18 Bộ Binh

4. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám thị/sĩ-quan chỉ-huy : Trung tá Nguyễn Văn Xuân, Tiểu đoàn trưởng

5. Reason for separation:
Lý do nghỉ việc

Đi học làm tư liệu ở trường
Lambachia, năm 1976.

7. Name of American Advisor(s):
Họ : n cô-văn Mỹ

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam

Vi quân trường Trung tâm phục hồi ở Thái Bình
tại Lầu và Công Binh - Bến Hải.

9. U.S. Awards or Certificates

Name of award:

Date received:

Hạng-chức hoặc giấy khen:

Ngày nhận:

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available.
Available? Yes No .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy khen, hoặc chứng-chữ nếu có.
Đúng sự có không? Có Không .)

C. Trainee Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
nước ngoài

1. Name of Student/Trainee:

Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện:

2. School and School Address:

Trường và địa-chỉ nhà trường:

3. Dates:

Ngày, tháng, năm

From

Từ:

To

Đến:

4. Description of Courses

Mô-tả ngành học

5. Who paid for training?

AI đài-tho chương-trình huấn-luyện?

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes No .)

(CHÚ-Y: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có Không .)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:

Họ tên người đi học-tập cải-tạo:

Lê Văn Ngai

2. Time in Reeducation: From:

Thời gian học-tập

To:

Đến:

20-9-1976

12-4-1976

3. Released in Reeducation?

Đã còn học-tập cải-tạo?

Yes

Có

No

Không

Không

(If released, we must have a copy of your release certificate.)

(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra tù.)

I. Any Additional Remarks/Các chú phụ-thuộc

Năm 1973, sau chiến dịch Hanoi, tôi được đưa vào trại tù binh và bị đưa ra
hiện diện, quân đội T. 371 đến giữa năm 1976 mới được thả ra.
Tôi ở cùng với cha mẹ và bị quản chế đến năm 1978. Cha mẹ tôi bị tước đoạt
quyền địa phương từ năm 1976, tôi phải bỏ đi các đoàn làm việc, đến từ cuối
năm 1978 và được quản lý như thường dân. Năm 1981, gia đình tôi được tiếp tục bị tịch thu
đất đai.

Signature

Ký tên:

Date

Ngày:

24 tháng 7 năm 1980

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire

Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với sự câu hỏi này

- Giấy ra trại
- Giấy quyết định của Ủy ban thị xã, tước đoạt quyền địa phương năm 1978
- Giấy tịch thu đất của gia đình tôi năm 1981



Lê Thị Ba



Lê Minh Thu



Lê Văn Ngọc



Lê Thị Huyền



Lê Ngọc Anh



Lê Thanh Huyền



Lê Văn



Lê Ngọc Huyền



Lê Ngọc Huyền

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chuyển từ _____ Chuyển đến _____
 Từ ngày _____ tháng _____ năm _____ Từ ngày _____ tháng _____ năm _____
 Ký tên đóng dấu Ký tên đóng dấu

Chuyển đến _____ Chuyển đến _____
 Từ ngày _____ tháng _____ năm _____ Từ ngày _____ tháng _____ năm _____

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Mẫu 30

GIẤY CHỨNG NHẬN

BẢNG KÝ NHÂN KHẨU THƯỜNG TRÚ TRONG

SỐ:

Họ và tên chủ hộ: Lê Văn D.

Số nhà: 56 Ngõ (hẻm): _____

Đường phố: Khu 7 Đền CAND

Thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh: _____

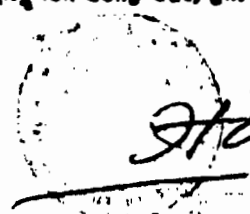
Thị trấn, thành phố: Đông A

XÁC NHẬN
 SAO Y BAN QUẢN LÝ
 QUẢN LÝ. Ngày 26 / 4 / 1990

UBND huyện Xuân Lộc
 UBND huyện Xuân Lộc

Ngày 14 tháng 6

Trưởng công
 Ký tên đóng dấu, ghi



NHÂN KHẨU THƯỜNG

TRÚ TRONG HỘ

SỐ thứ tự	HỌ VÀ TÊN Tên thường gọi	Ngày tháng năm sinh	Nam Nữ	Quan hệ với CHỦ HỘ	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Số CM hoặc CNCC	Ngày, tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Ký tên đóng dấu Cơ quan công an
01	Lê Văn Ngọc	1944	Nam	Chủ hộ	CNV				
02	Đỗ Nguyệt Anh	1945	Nữ	Thợ	CNV				
03	Vũ Thị Hoa	1944	Nữ	Nữ					
04	Đỗ Thị Hằng	1968	Nữ	Thợ					
05	Lê Thị Huyền	1982	Nữ	Con					
06	Đỗ Thanh Huyền	1985	Nữ	Con					
07	Lê Thị Huyền	1988	Nam	Con					
08	Trần Anh	1969	Nam	Con					
09	Trần Tuấn Anh	1968	Nam	Con					
10	Trần Thanh Hải	1973	Nam	Con					

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
THUẬN HẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 120 QĐ/UB-TH

Phan thiết, ngày 28 tháng 1 năm 1988.

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH THUẬN HẢI.
V/v Thu hồi đất thổ cư.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THUẬN HẢI

- Căn cứ quyết định số 180/HĐBT ngày 19/6/1985 của Hội đồng Bộ trưởng phê chuẩn biên bản của UBND Tỉnh Thuận Hải.
- Căn cứ Luật đất đai ban hành ngày 8/1/1988 của Hội đồng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ đề nghị của UBND Thị xã Phan thiết.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1:- Nay thu hồi đất thổ cư có diện tích 7m x 15m = 105m² tọa lạc tại Tổ dân phố 2 - Phường Bắc Thành - Thị xã Phan thiết.

Vị trí đất ở như sau:

- Đông giáp: đường vào nhà ông Lê Văn Minh.
- Tây giáp: nhà ông Lê Văn Cẩm.
- Nam giáp: nhà ông Lê Văn Minh.
- Bắc giáp: nhà dân.

Điều 2:- Giao trách nhiệm cho Ủy ban XDCB Tỉnh quản lý phối hợp với UBND Thị xã Phan thiết xét và đề nghị giải quyết theo yêu cầu hợp lý.

Điều 3:- Các ông Chánh văn phòng UBND Tỉnh, Chủ nhiệm Ủy ban Xây dựng cơ bản Tỉnh, Chủ tịch UBND Thị xã Phan thiết, Chủ tịch UBND Phường Lạc Đạo, Ông Lê Văn Minh và ông Lê Văn Cẩm cùng các ngành có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

TM. UBND TỈNH THUẬN HẢI.

TM. UBND TỈNH THUẬN HẢI
CÁN BỘ
PHÓ CHỦ TỊCH



NGUYỄN-THÀNH-LÊ

12

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHAN THIẾT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 17/QĐ/UB/78.

Phan thiết, ngày 5 tháng 5 năm 1978.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHAN THIẾT.

- Căn cứ Quyết định số 364/QĐ-UB, ngày 15-9-1977 của UBND Tỉnh Thuận Hải phê chuẩn UBND Thị xã Phan thiết.
- Căn cứ Chỉ thị số 21/CT, ngày 18-4-1978 của Ban Thường vụ Thị ủy Phan thiết về việc tăng cường chỉ đạo vận động nhân dân đi xây dựng vùng Kinh tế mới Đức Linh.
- Xét yêu cầu công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội ở địa phương.
- Xét đề nghị Ông Trưởng Công an Nhân dân Thị xã Phan thiết.

QUYẾT ĐỊNH.

ĐIỀU 1.- Nay buộc tất cả những người trong họ Lê - Văn - Thìn có Sáu nhân khẩu, hiện cư trú tại Phường Sac - Đa rời khỏi Thị xã Phan thiết vì lý do : Cả họ bất hợp pháp
trộm xuất khỏi địa phương

ĐIỀU 2.- Quy định thời gian : trong 6 ngày (từ ngày 16/5/1978 đến hết ngày 22/5/1978) họ Lê - Văn - Thìn phải rời khỏi Thị xã Phan thiết, đến Khu vực kinh tế cư trú lao động sản xuất mà sinh sống và chịu sự quản lý của Chính quyền địa phương.

ĐIỀU 3.- Các Ông Chánh Văn phòng Ủy ban, Ông Chủ tịch UBND Phường : Sac - Đa Ông Trưởng Công an Nhân dân Thị xã, Trưởng Đồn Công an Nhân dân số 1 chủ hộ Lê - Văn - Thìn chiếu Quyết định thi hành.

TM. UBND THỊ XÃ PHAN THIẾT.



Số: 43/QP

Ngày 10 tháng 2 năm 1976

Thi hành chỉ thị 218/CT-TU ngày 10-4-1975 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và chỉ thị 28/CT-H ngày 23-5-1975 của Tổng cục Chính trị về chính sách đối với tù binh đã cải tạo tiến bộ.

- Xét đề nghị của ban chấp hành trại và phòng công tác tù binh.

CUC QUAN PHAP QUYET DINH

Điều 1:- Phóng thích anh

cho về làm ăn sinh sống tại thôn (số nhà) xã (phố) huyện (quận) tỉnh (thành phố)

Điều 2:- Được cấp phát tiền ăn, tiền trả xe về đến gia đình.

Điều 3:- Khi về phải đến Ủy ban Nhân dân Cách mạng tỉnh trình báo và xin giấy giới thiệu về huyện, xã trình báo.

Giấy này không được thay giấy thông hành, khi nào đi ra khỏi huyện phải xin phép huyện, ra khỏi tỉnh phải xin giấy của tỉnh.

Sau thời gian 6 (sáu) tháng nếu tiến bộ thì được chính quyền địa phương xét và tuyên bố trả quyền công dân.

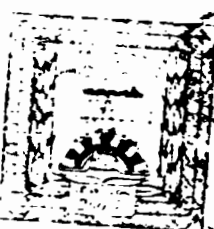
XÁC NHẬN

SAC Y B

19 5 1976

QUAN LỘ

T/QUAN LỘ CUC QUAN PHAP



Trung tá Đoàn Hạnh

- Anh Lê Văn Ngọc bị bắt ở phía trước
- Có tên thật - tên tại BCH Liên Sĩ Sĩ Xã
Fan - Phat, bị bắt về sau được thả - tên khác 1 tháng là 15 -
- Ngày 12 tháng 1 năm 1976

T.M. Ban Tham mưu Thủ xã.

Chức vụ: Lê Thanh Ngọc

Anh Lê Văn Ngọc, bị bắt tại Công an Thủ xã Thanh
và UBND xã Thanh Sơn bị bắt ở địa điểm này về các
vật liệu và thủ tục quản lý của địa phương.

Phạm Ngọc 15-4-76
Trưởng Ủy Ban Thanh tra

u. Ngọc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 270651016

Họ tên: LÊ VĂN NHỌC



Sinh ngày: 02-02-1944

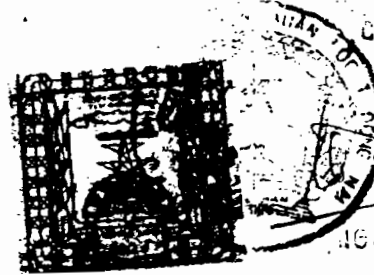
Nguyên quán: Phan thiết

Thuận Hải

Nơi thường trú: 73, Không tử

Xuan lộc, Đông Nai

D n tộc: Kinh		Tôn giáo: không	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
		Nốt ruồi C.0,7cm trên sau cánh mũi trái	
NGƯỜI TRỎ TRÁI NGƯỜI TRỎ PHẢI		Ngày 16 tháng 06 năm 1981 ĐOÁC TRƯỞNG TY CÔNG AN  <i>Nguyễn Văn</i>	



SỐ Y 3A...
 Y 18-100. Ngụ 17/3/1981

CHANH VAN PHONG

NGUYỄN-THƯỢNG-DU

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TP/HT

Xã/phường Lưu Xá

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số _____

Huyện, Quận Lưu Xá

Quyển _____

Tỉnh, Thành phố Hưng Yên

GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên LÊ VĂN NGỌC Nam hay Nữ Nam
Ngày, tháng, năm sinh ngày 02 tháng 02 năm 1944
Ngày hai tháng hai năm một ngàn chín trăm bốn mươi bốn
Nơi sinh Chi Lã Thanh Thới, Cảnh Thôn Xá
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phân khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>ĐANG THỊ ĐẠC</u>	<u>LÊ VĂN TRẦN</u>
Tuổi	<u>1903</u>	<u>1901</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Buôn bán</u>	<u>Buôn bán</u>
Nơi thường trú	<u>(Chết năm 1952)</u>	<u>(Chết năm 1978)</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai
Lê Văn Ngọc, 1944, 58 Đường Không Lộ, Quận Lưu Xá, Hải
CMND: 46/270651016 ngày 02 tháng 02 năm 1981

Đã ký ngày ____ tháng ____ năm 19 ____

Người đứng khai ký

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 10 tháng 7 năm 1991

T/M UBND/KÝ TÊN ĐÓNG DẤU - LỘ

T. CHÁNH VĂN PHÒNG

P. VĂN PHÒNG

Nguyễn Văn Thanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 0700785435

Họ tên: LÊ AN

Sinh ngày: 09-02-1966

Nguyên quán: tỉnh trị thiên

Nơi thường trú: Y90, Xuân bình,

Đường 100, Long Hải

SAD BÀN CHANH

Ngày 12 tháng 10 năm 1991

Đang chờ

Handwritten signature



ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TP/HT

Xã/phường _____

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số _____

Huyện/Quận _____

Quyển _____

Tỉnh/Thành phố _____



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Lê An Nam hay Nữ NamNgày, tháng, năm sinh ngày 9 tháng 2 năm 1966~~Ngày chín tháng hai năm một ngàn chín trăm sáu mươi sáu~~Dân tộc Thái Quốc tịch _____

Phản khai về cha, mẹ <u>Kinh</u>	Người mẹ	Người cha <u>Viet Nam</u>
Họ và tên		
Tuổi		
Dân tộc		
Quốc tịch <u>Đang Thái</u>		<u>Lê Văn Thản</u>
Nghề nghiệp <u>1903</u>		<u>1901</u>
Nơi thường trú <u>Kinh</u>		<u>Kinh</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người khai

(Chết năm 1982)(Chết năm 1978)

Đăng ký ngày _____ tháng _____ năm 19 _____

Người đứng khai ký

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Lê An 1966 số 5B Đường Khổng Tử Thị trấn Xuân Lộc, Tỉnh ĐồngĐai . QMID số 270868430

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 10 tháng 7 năm 1990

T/M UBND HUYỆN XUÂN-LOD

T. CH. VAN-THONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **270855B278**

Họ tên **LÊ TUẤN ANH**

Sinh ngày **01-12-1968**

Nguyên quán **Phan thiết**

Thuận hai.

Nơi thường trú **52, Nguyễn du,**

Xuân an, Xuân lộc, Đ. nai.



Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Phật	
NGƯỜI TRÁI		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
		Sẹo chàm C.1cm trên trước đầu lông mày mày trái.	
NGƯỜI PHẢI		09 tháng 08 năm 1985.	
		ĐẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN	
		<i>[Signature]</i>	



CHÁNH VĂN PHÒNG

[Handwritten signature]

NGUYỄN VĂN THƯỢNG - DU

XUÂN LỘC

Xã, Thị trấn

XUÂN LỘC

Thị xã, Quận

Thành phố Tỉnh ĐỒNG NAI

Số 2734

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 2734

Quyển số

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và Tên	LÊ TUẤN ANH		xx Nam, nữ
Sinh ngày	ngày 01 tháng 12 năm 1988 (Ngày một tháng mười hai năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám)		
tháng, năm			
Nơi sinh	XUÂN LỘC		
Khai về cha mẹ			
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	CHA	MẸ	
	LÊ VĂN NGỌC	TÔ THỊ NGUYỆT	
	Hai mươi bốn tuổi	Hai mươi một tuổi	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt-Nam	Việt-Nam	
Nghề nghiệp	Quản nhân KBC 4522	Tô Thị	
Nơi ĐKNK thường trú	Xuân Lộc	Xuân Lộc	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Tô Thị Nguyệt Thị Trần Xuân Lộc Huyện Xuân Lộc Tỉnh Đồng Nai		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHANH

Ngày 10 tháng 5 năm 1987

TM/UBND. Thủ trưởng ký tên đóng dấu

[Signature]

Dùng ký ngày 5 tháng 12 năm 1988

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

ĐANG CAO THÀNH

Chủ tịch:

Xác nhận chữ ký của chủ tịch

Xuân Lộc, ngày 28/01/69

T/L Quận Trưởng

Trưởng văn Phòng

Ấn ký : Nguyễn Văn Non

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 27-Q593403

Họ tên: VÕ NGUYỆT ANH



Sinh ngày: 15-01-1949

Nguyên quán: An giang.

Nơi thường trú: Ấp 2, Xuân Lạc
Xuân lộc, Đồng nai.

Danh tộc: Kinh Tôn giáo: Không	
 	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ N HÌNH Chạm C.3,7cm dưới sau mạp trái Ngày: 06 năm 1980 CÔNG TRƯỜNG TY CÔNG AN HUYỆN THƯỢNG-DU <i>Đinh Thinh</i>
	NGON TRÚ TRÁI NGON TRÚ PHẢI

XÉT-CHẤM
 SÁO XÉT CHỈNH
 QUAN-LỘC-NGUY 17/3/1980
 T/Đ
 THANH VAN PHONG
 HUYỆN-THƯỢNG-DU
Đinh Thinh

TRÍCH-LỤC ÁN PHÒNG LỤC-SỰ TÒA

L. LƯƠNG
S. TH. Ba-Xuyên

Ngày 23 tháng 12 năm 19 58
số 469-ĐX

Tòa HGRQ Ba-Xuyên xử về việc
Hộ trong phiên nhóm công khai
ngày 23 tháng 12 năm 19 58
gồm có các ông :

Án thế-vi khai-sanh cho

Võ nguyệt Ánh

Chánh-Án : Đặng Hữu Thọ
Biện-lý :
Lục-Sự : Lý bình Kiệt

đã lên bản án như sau :

BẢN ÁN TÒA ÁN

Chiếu theo đơn của Võ trường Thọ

BỞI CÁC LÊ ÁY

chứng nhận : Võ trường Thọ và Tô thị Ba nhìn

Võ nguyệt Ánh là con tư sanh.

Phán rằng : Võ nguyệt Ánh, mĩ, sanh ngày mười lăm,

tháng một, năm một ngàn chín trăm bốn mươi chín,

(15.1.1949) sanh tại làng Long-Thạnh (Bạc-Liên-Ba-Xuyên)

là con của Võ trường Thọ và Tô thị Ba.

Phán rằng án này thế vi khai-sanh cho Võ nguyệt Ánh

Đay ghi đoạn phán quyết án này vào sổ khai-sanh đương niên

và lược biên án này vào lẽ tờ khai sanh gần nhưst ngày

giữ lại lưu-trữ công-văn

và Phòng Lục-Sự Tòa Án sở tại

Đay nguyên đơn chịu hết án phí

Án này làm, xử và tuyên vào ngày, tháng và năm đã kể trên.

Ký tên : Đặng Hữu Thọ, Lý bình Kiệt

Trước-bà tại.

Quyền

Thân

240%

Khánh-Hùng

ngày

Từ 86

9.1.1959

Số

385/33

Trích y bản chánh

ngày

tháng

năm 197

1

CHÁNH LỤC SỰ

GIÁ TIỀN	
Con niêm	24\$00
Bồng lộc. . . .	5\$00
Biên lai	0\$50
Cộng chung. . .	29\$50

BL/ 8760.

Hình văn Hiến.

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường Xuân Lộc
Huyện, Quận Xuân Lộc
Tỉnh, Thành phố Đồng Nai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HT
Số
Quyền



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên Lê Nhã Huyền Nam hay nữ Nữ
Ngày, tháng năm sinh Ngày 10 tháng 2 năm 1988
Ngày 10 tháng 2 năm một ngàn chín trăm tám mươi tám
Nơi sinh Xuân Lộc
Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Võ Nguyệt Ánh</u>	<u>Lê Văn Ngọc</u>
Tuổi	<u>15-01-1949</u>	<u>2-2-1944</u>
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Thợ May</u>	<u>Học Viên khóa trước</u>
Nơi thường trú	<u>5B Đường Khổng Tử</u>	<u>5B Đường Khổng Tử</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Lê Văn Ngọc - 1944 số 5 B Đường Khổng Tử Thị Trấn Xuân Lộc
CM, số 270651016 ngày 16 tháng 06 năm 1987

Người đứng khai

Đăng ký ngày 09 tháng 5 năm 1988
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Ký : Phạm Đình Chiến

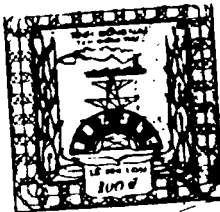
Lê Văn Ngọc

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 17 tháng 3 năm 1988

T/M UBND

Ký tên, đóng dấu



Phạm Đình Chiến

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường Đông Ngạc
Huyện, Quận Đông Ngạc
Tỉnh, Thành phố Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên và
Số
Quyển



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên LÊ THANH GIÂN Nam hay nữ Đ
Ngày, tháng năm sinh 15/03/1985
Đông Ngạc, Xã Đông Ngạc, Huyện Đông Ngạc, Tỉnh Hà Nội
Nơi sinh Đông Ngạc, Xã Đông Ngạc, Huyện Đông Ngạc, Tỉnh Hà Nội
Dân tộc Việt Quốc tịch Việt Nam

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>LÊ THỊ HỒNG</u>	<u>NGUYỄN VĂN HẠO</u>
Tuổi	<u>45-49-1949</u>	<u>45-49-1949</u>
Dân tộc	<u>Việt</u>	<u>Việt</u>
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>
Nghề nghiệp	<u>Thợ may</u>	<u>Công nhân kiến trúc</u>
Nơi thường trú	<u>Đông Ngạc, Xã Đông Ngạc, Huyện Đông Ngạc, Tỉnh Hà Nội</u>	<u>Đông Ngạc, Xã Đông Ngạc, Huyện Đông Ngạc, Tỉnh Hà Nội</u>

Họ t n, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Nguyễn Văn Hào - 45-49-1949 - Đông Ngạc, Xã Đông Ngạc, Huyện Đông Ngạc, Tỉnh Hà Nội
Số 15/03/1985 - 15/03/1985

Người đứng khai

Đã ký ngày tháng năm 19
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

[Signature]

Ấn ký Ủy ban Nhân dân

Đông Ngạc, Xã Đông Ngạc, Huyện Đông Ngạc, Tỉnh Hà Nội

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 17 tháng 3 năm 1985

T/M UBND

Ký tên, đóng dấu



[Signature]

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường **X. An Lộc**
Huyện, Quận **Xuân Lộc**
Tỉnh, Thành phố **Đồng Nai**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. HT
Số
Quyền



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên **LE TỐ HUYỀN** ~~nam~~ hay nữ **Nữ**
Ngày, tháng năm sinh **ngày 04 tháng 12 năm 1982**
Ngày bốn tháng mười hai năm một ngàn chín trăm tám mươi hai
Nơi sinh **Bệnh Viện - Xuân Lộc**
Dân tộc **Kinh** Quốc tịch **Việt Nam**

Phần khai về ch, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Võ Nguyệt Ánh	Lê Văn Ngọc
Tuổi	15-01-1949	2-2-1944
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	Thợ May	Họa viên kiến trúc
Nơi thường trú	5B Đường Khổng Tử	5B Đường Khổng Tử

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Lê Văn Ngọc - 1944 số 5 B Khổng Tử Thị Trấn Xuân Lộc
CM. số 270651016 Ngày 16-tháng 06 năm 1981

Người đứng khai

Đã ký ngày **20** tháng **12** năm **1982**
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Ký : Huỳnh Ngọc Hồng

Lê Văn Ngọc

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày **17** tháng **3** năm **1983**

T/M UBND

Ký tên, đóng dấu



Trần Văn...



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 270595523

Họ tên: **TÔ PHỊ BA**

Sinh ngày: **1911**

Nguyên quán: **Kiên Giang**

Nơi thường trú: **Ấp 2, Xuân bảo
Xuân lộc, Đồng nai**

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC ĐI HÌNH	
		Nốt ruồi C. lớn trên trước đầu mắt phải	
NGON TỬ TRAI		25 tháng 06 năm 1980	
NGON TỬ PHẢI			
		ĐẠI TRƯỞNG TỶ CÔNG AN <i>[Signature]</i> <i>Nguyễn Văn Hoàng</i>	

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số HT12/P3

Xã, Phường Lưu Lý Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

QĐ số

Huyện, Quận Lưu Lý

Ngày 15 - 10 - 1991

Tỉnh, Thành phố Đông Hà

Số 1514

Quyển số 01

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

CHỒNG

VỢ

Họ và tên Lê Văn Ngọc

Nguyễn Anh

Bí danh

Sinh ngày tháng 02 - 02 - 1944

15 - 01 - 1949

năm hay tuổi

Dân tộc

Việt

Việt

Quốc tịch

Việt Nam

Việt Nam

Nghề nghiệp

Hà Văn Tiến Trú

Thị may

Nơi đăng ký

Bao Công hy hiệp

Bao Công hy hiệp

nhân khẩu

Huyện Lưu Lý

Huyện Lưu Lý

thường trú

Đông Hà

Đông Hà

Số giấy chứng minh nhân dân 270657516

hoặc hộ chiếu

XÁC NHẬN Đã ký ngày 15 tháng 10 năm 1991

Người chồng ký

Người vợ ký BÀ TM. UÊND.

XUÂN-LỘC. Ngày 17 / 10 / 1991

PHÓ CHỦ TỊCH NỘI CHÍNH



CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ CHỮ

YÊN THƯỢNG-ĐỊA

Đã ký

Đã ký

Nhờ hội Kiêm dùm người bảo trợ cho
gia đình anh Lê Văn Ngọc

Cảm ơn nhiều.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH LONG-KHÁNH

QUẬN XUÂN-LỘC.

XÃ XUÂN-LỘC.

Số hiệu: 2175.

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI - SANH

Lập ngày 11 tháng 12 năm 19 73.

Tên họ đứa trẻ: TRẦN-KHÁNH-LỘC.
Con trai hay con gái: Nam
Ngày sanh: Chín, tháng mười Hai, năm một ngàn chín
trăm bảy mươi Ba (09-12-1973).
Nơi sanh: Xuân-Lộc, Long-Khánh.
Tên họ người Cha: Trần-văn-Hoàng.
Tên họ người Mẹ: Trần-thị-Ba.
Vợ chánh hay không có Hôn-Thú: Chánh
Tên họ người đứng khai: Lê-thị-Nhung.

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH:

Xuân-Lộc, ngày 12 tháng 12 năm 19 73.

VIÊN CHỨC BỘ-TỊCH,



HUYỆN-NGOẠI

Luong Qi Duong



CONTROL

2/2

- Card
- ☒ Doc. Request; Form
- ☒ Release Order
- Computer
- Form "D"
- ODP/Date
- Membership; Letter

Luong Qi Duong

